

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 31/12/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh và ông Phạm Xuân V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/10/2024, về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hà Thế V, sinh năm: 1995

Hộ khẩu thường trú: Khu Ch, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã K, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ý kiến của nguyên đơn - Ông Hà Thế V:**

Tôi và bà Đặng Thị H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nhưng từ cuối năm 2022 hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà không thể giải quyết được; hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nguyên nhân chính là

do hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm và lối sống khác nhau. Hai người thực sự không còn yêu thương nhau. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên tôi quyết định ly hôn.

Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, cụ thể gồm các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kính đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với bà Đặng Thị H.

- Về con chung: Tôi và bà H có 01 con chung là cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019. Do từ khi ly thân đến nay, cháu A đều ở với tôi nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thế A đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng tôi tự thỏa thuận với bà Đặng Thị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - bà Đặng Thị H có ý kiến:**

Tôi (Hòa) và ông Hà Thế V, sinh năm: 1995 (thường trú: Khu Ch, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Tạm trú: Thôn H, xã K, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc) kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Sau một thời gian chung sống đến cuối năm 2022 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, quan điểm và lối sống khác nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hoà giải được; hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay (ông V vẫn sống ngoài quê, còn tôi về lại nhà bố mẹ tại huyện P và có đi làm công nhân). Do không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên vợ chồng tôi quyết định ly hôn.

Nay ông V đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì tôi (H) cũng đồng ý;

Về con chung: Tôi (H) và ông Hà Thế V có 01 con chung là cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019. Do từ khi ly thân đến nay, cháu A đều ở ông V; Ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thế A đến khi trưởng thành nên tôi cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 220, 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Hà Thế V, cho ông Hà Thế V được ly hôn với bà Đặng Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019 cho ông Hà Thế V chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - ông Hà Thế V là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Thế V và bà Đặng Thị H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, cả ông Hà Thế V và bà Đặng Thị H đều xác định: Quá trình chung sống hôn nhân từ cuối năm 2022 hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà không thể giải quyết được; hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm và lối sống khác nhau. Hai người thực sự không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Ông V đề nghị Tòa án giải quyết cho ông V ly hôn với bà Đặng Thị H; Đồng thời bà H cũng đồng ý ly hôn với ông V.

HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023; Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Phía bà H cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.

[3.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông V, bà H có 01 con chung là cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019. HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Hiện nay cháu Hà Thế A đang ở cùng ông V; Bà H cũng đồng ý để ông H nuôi cháu Thế A. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của cháu và xét nguyện vọng của ông V là phù hợp, HĐXX thấy cần giao con chung cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Ông V phải nộp 300.000 đồng án phí đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- *Áp dụng:* Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ông Hà Thế V về ly hôn, nuôi con chung;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Hà Thế V được ly hôn với bà Đặng Thị H;

2. *Về con chung:*

2.1. Giao con chung là cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019 cho ông Hà Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Bà Đặng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Hà Thế A, sinh ngày 19/7/2019 mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Đặng Thị H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hà Thế V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0006152 ngày 23/10/2024.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B, huyện P tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức